

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/HS - ST**  
Ngày: 25 - 01- 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN**

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Trung

**- Các hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên .

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/TLST - HS ngày 20/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST - HS ngày 11/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Văn L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 18/8/1993, tại xã DTrường, huyện DC, tỉnh NAn. Nơi cư trú: Xóm 2, xã D T, huyện DC, tỉnh NAn. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Chu Văn B – (Đã chết) và bà Chu Thị H - Sinh năm: 1965. Anh chị em ruột: có 04 người, bị can là con thứ tư trong gia đình. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Tại bản án số 117/2019/HSST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh L, tỉnh NAn xử phạt 9 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ kể từ ngày 05/8/2020 đến ngày 14/8/2020, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Nguyễn Minh C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 09/11/1997, tại xã Đường, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 7, xã DT, huyện DC, tỉnh NAn. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Minh T –

Sinh năm: 1974 và bà Chu Thị H - Sinh năm: 1976. Anh chị em ruột: có 02 người, bị can là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ kể từ ngày 05/8/2020 đến ngày 14/8/2020, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

**\*. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Hoàng Văn H, sinh năm 1991. Trú tại: xóm 11, xã DYên, huyện DChâu, Nghệ An (Vắng mặt).

2. Chu Văn H, sinh năm 1991. Trú tại: xóm 2, xã DT, huyện Diễn Châu, Nghệ An (Vắng mặt).

3. Trương Văn C, sinh năm 1988. Trú tại: xóm 6, xã D, huyện D, NAn (Vắng mặt).

4. Chu Tự T, sinh năm 1970. Trú tại: xóm 5, xã DTrường, huyện DChâu, N An (Vắng mặt).

5. Trần Đức T, sinh năm 1990. Trú tại: xóm 2, xã DT, huyện DC, N A (Vắng mặt).

6. Hoàng Văn V, sinh năm 1971. Trú tại: xóm 1, xã D T, huyện D C, N An (Vắng mặt).

7. Chu Tự G, sinh năm 1988. Trú tại: xóm 12, xã DT, huyện DC, N A (Vắng mặt).

8. Chu Thị T, sinh năm 1981. Trú tại: xóm 2, xã D T, huyện D C, N An (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2020, Chu Văn L dùng tiền của mình để cho nhiều người khác vay với các mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 9%/tháng và 3.333 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 10%/tháng. Tuy nhiên, mức thu lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương đương 1,66666%/tháng (Quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015). Để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020, Chu Văn L đã thuê và trả tiền công cho Nguyễn Minh C mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để đi thu tiền lãi của các người vay liên quan, cụ thể như sau:

#### **1. Các giao dịch với anh Hoàng Văn H.**

Tháng 9/2019, L cho anh H vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu tiền lãi 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 9%/ tháng. Tổng số tiền lãi mà L đã thu của anh H là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) trong thời gian 10 tháng (Trong đó, Linh thu 9.000.000 đồng, C thu 9.000.000 đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là

20%/năm tương đương 1,66666%/tháng (Quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015) là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 10 \text{ tháng} = 3.333.320 \text{ đồng}$  (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu từ anh H là:  $18.000.000 \text{ đồng} - 3.333.320 \text{ đồng} = 14.666.680 \text{ đồng}$  (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Đối với Nguyễn Minh C đã thu tổng số tiền lãi suất đối với khoản vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) trong thời gian 05 tháng. Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 05 \text{ tháng} = 1.666.660 \text{ đồng}$  (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính của C đã thu từ anh H là:  $9.000.000 \text{ đồng} - 1.666.660 \text{ đồng} = 7.333.340 \text{ đồng}$  (Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Như vậy, mức lãi suất cho vay mỗi tháng gấp 5,4 lần so với quy định. Hiện, số tiền vay gốc anh H chưa trả cho L.

## **2. Các giao dịch với anh Chu Văn H.**

Tháng 10/2019, L cho anh H vay số tiền (tiền gốc) là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng. Tổng số tiền lãi đã thu đến tháng 3/2020 đối với khoản vay này là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời gian 05 tháng. Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 5 = 1.666.660 \text{ đồng}$  (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Đến tháng 3/2020, anh H trả cho L số tiền vay gốc 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và còn nợ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), C đã thu tiền lãi đối với khoản vay này là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) trong thời gian 04 tháng. Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $11.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 04 \text{ tháng} = 733.330 \text{ đồng}$  (Bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu của anh H là:  $(10.000.000 \text{ đồng} - 1.666.660 \text{ đồng}) + (4.400.000 \text{ đồng} - 733.330 \text{ đồng}) = 12.000.010 \text{ đồng}$  (Mười hai triệu không trăm mười đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà Cương đã thu từ anh H là:  $4.400.000 \text{ đồng} - 733.330 \text{ đồng} = 3.666.670 \text{ đồng}$  (Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Như vậy, mức lãi suất cho vay mỗi tháng gấp 6 lần so với quy định. Hiện số tiền vay gốc anh H chưa trả cho L là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

## **3. Các giao dịch với anh Trương Văn C.**

Tháng 11/2019, L cho anh C vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tổng số tiền lãi đã thu đến tháng 6/2020 đối với khoản vay này là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

triệu đồng) trong thời gian 08 tháng (Trong đó, L thu 8.000.000 đồng, C thu 8.000.000 đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 08 \text{ tháng} = 2.666.656 \text{ đồng}$  (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu của anh C là:  $16.000.000 \text{ đồng} - 2.666.656 \text{ đồng} = 13.333.344 \text{ đồng}$  (Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Đối với Nguyễn Minh C đã thu tổng số tiền lãi suất là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) trong thời gian 04 tháng. Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 04 \text{ tháng} = 1.333.328 \text{ đồng}$  (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng).

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính mà C đã thu từ anh C là:  $8.000.000 \text{ đồng} - 1.333.328 \text{ đồng} = 6.666.672 \text{ đồng}$  (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Hiện, số tiền vay gốc anh C chưa trả cho L.

#### **4. Các giao dịch với anh Chu Tụ T.**

Ngày 15/12/2019, L cho anh T vay số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thu tiền lãi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tổng số tiền lãi mà L đã thu của anh T là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) trong thời gian 08 tháng (Trong đó, L thu 3.000.000 đồng, C thu 5.000.000 đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 08 \text{ tháng} = 1.333.328 \text{ đồng}$  (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu từ anh T là:  $8.000.000 \text{ đồng} - 1.333.328 \text{ đồng} = 6.666.672 \text{ đồng}$  (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà C đã thu từ anh T là:  $5.000.000 \text{ đồng} - 833.330 \text{ đồng} = 4.166.670 \text{ đồng}$  (Bốn triệu một sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Hiện, số tiền vay gốc anh T chưa trả cho L.

#### **5. Các giao dịch với anh Trần Đức T.**

Tháng 12/2019, L cho anh T vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tổng số tiền lãi L đã thu của anh T đến tháng 6/2020 đối với khoản vay này là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) trong thời gian 07 tháng (Trong đó, L thu 10.000.000 đồng, C thu 4.000.000 đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 07 \text{ tháng} = 2.333.324 \text{ đồng}$  (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng).

Đến tháng 6/2020, anh T trả số tiền vay gốc cho L là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và còn nợ số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Cương đã thu tiền lãi đối với khoản vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là 2.000.000 đồng

(Hai triệu đồng) trong khoảng thời gian 02 tháng. Số tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 02 \text{ tháng} = 333.332 \text{ đồng}$  (Ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu từ anh T là:  $(14.000.000 \text{ đồng} - 2.333.324 \text{ đồng}) + (2.000.000 \text{ đồng} - 333.332 \text{ đồng}) = 13.333.344 \text{ đồng}$  (Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà C đã thu từ anh T là:  $(4.000.000 \text{ đồng} - 666.664 \text{ đồng}) + (2.000.000 \text{ đồng} - 333.320 \text{ đồng}) = 5.000.004 \text{ đồng}$  (Năm triệu không trăm nghìn không trăm không bốn đồng).

Hiện, số tiền vay gốc anh T chưa trả cho L là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

#### **6. Các giao dịch với anh Hoàng Văn V.**

Tháng 01/2020, L cho anh V vay số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), thu tiền lãi 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng)/01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tổng số tiền lãi mà L đã thu của anh V là 11.900.000 đồng (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng) trong thời gian 07 tháng (Trong đó, L thu 5.100.000 đồng, C thu 6.800.000 đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $17.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 07 \text{ tháng} = 1.983.325 \text{ đồng}$  (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L đã thu từ anh Việt là:  $11.900.000 \text{ đồng} - 1.983.325 \text{ đồng} = 9.916.675 \text{ đồng}$  (Chín triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà C đã thu từ anh Việt là:  $6.800.000 \text{ đồng} - 1.133.329 \text{ đồng} = 5.666.671 \text{ đồng}$  (Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Hiện, số tiền vay gốc anh V chưa trả cho L.

#### **7. Các giao dịch với anh Chu Tụ G.**

Tháng 02/2020, L cho anh G vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu tiền lãi 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng)/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 9%/ tháng (Gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tổng số tiền lãi mà L và C đã thu của anh G là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) trong thời gian 04 tháng. Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,66666\% \times 04 \text{ tháng} = 1.333.328 \text{ đồng}$  (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L và C đã thu của anh G là:  $7.200.000 \text{ đồng} - 1.333.328 \text{ đồng} = 5.866.672 \text{ đồng}$  (Năm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Hiện, số tiền vay gốc anh G chưa trả cho L.

#### **8. Các giao dịch với chị Chu Thị T.**

Lần 01: Ngày 16/5/2020, L cho chị T vay số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), đã thu tiền lãi 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong thời gian 01

tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là 5.000.000 đồng  $\times$  1,66666%  $\times$  01 tháng = 83.333 đồng (Tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong lần vay nay, số tiền vay gốc là 5.000.000 đồng chị T đã trả hết cho L.

Lần 02: Ngày 16/7/2020, L cho chị T vay số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đã thu tiền lãi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong thời gian 01 tháng tương đương mức lãi suất 10%/ tháng (Gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là 10.000.000đồng  $\times$  1,66666%  $\times$  01 tháng = 166.666 đồng (Một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng số tiền mà L cho chị T vay trong 02 lần giao dịch là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), đã thu tổng tiền lãi là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định của pháp luật là 249.999 đồng (Hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Do đó, số tiền thu lợi bất chính mà L và C đã thu của chị T là: 1.500.000 đồng - 249.999 đồng = 1.250.001 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm không một đồng).

Hiện, chị T đã trả cho L số tiền vay gốc là 4.990.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); còn lại số tiền vay gốc 5.010.000 đồng(Năm triệu không trăm mười nghìn đồng) chị T chưa trả cho L.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/8/2020, khi Nguyễn Minh C đang thu tiền lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của anh Trần Đức T thì bị Tổ công tác Công an huyện DChâu kiểm tra, phát hiện. Trong ngày 05/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện DChâu đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Chu Văn L và Nguyễn Minh C.

Như vậy, Chu Văn L và Nguyễn Minh C đã lợi dụng hoạt động cho vay tiền trong giao dịch dân sự, sử dụng tổng số tiền gốc là 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng) để cho vay lãi nặng một cách liên tục, kế tiếp nhau về thời gian với các mức lãi suất 9%/tháng và 10%/tháng (cao hơn gấp 05-06 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, Bộ luật dân sự là 20%/năm tức 1,66666%/tháng) cho 08 người nói trên. Tổng số tiền lãi suất mà Chu Văn L đã thu là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng), trong đó, Chu Văn L thu 45.100.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng), Nguyễn Minh C thu cho Linh 47.900.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Do đó, số tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Số tiền Chu Văn L đã thu lợi bất chính là 77.033.397 đồng (Bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Số tiền Nguyễn Minh C đã trực tiếp thu lợi bất chính giúp Chu Văn L là 39.616.700 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng).

Vật chứng thu giữ, tạm giữ gồm có.

- Số tiền lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mà Nguyễn Minh C thu của anh Trần Đức T được tạm gửi, tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Diễn Châu(theo biên bản giao nhận tài sản số 54 ngày 19/8/2020);

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, IMEI1: 869347034568399, số IMEI2: 869347034568381; sử dụng số điện thoại SIM1: 0973246798, SIM2: 0569260460, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Minh Cương và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng, số máy MQA52ZP/A, số seri FK1Z65PQN73T, IMEI1: 35916107072655, số IMEI2: 355156165181531; sử dụng số điện thoại SIM: 0965849789, máy đã qua sử dụng thu giữ của Chu Văn L được chuyển cho Chi cục Thi hành án huyện DChâu để bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát huyện DChâu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng số 182/CT-VKSDC ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D Châu tỉnh Nghệ An và đề nghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Chu Văn Linh từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Nhưng được trừ 09 ngày tạm giữ x 3 = 27 ngày. Tại bản án hình sự số 117/2019/HSST ngày 28/10/2019 của TAND huyện Quỳnh Lưu xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “bắt giữ người trái pháp luật”. Ngày giao hồ sơ thi hành án cho UBND xã D Trường 30/12/2019, ngày chấp hành xong là ngày 30/9/2019. Bị bắt ngày 05/8/2020. Còn phải chấp hành 55 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành từ 15 tháng – 18 tháng cộng với số ngày chưa thi hành án của bản án hình sự số 117/2019 ngày 28/10/2019 của TAND huyện Q Lưu, nhưng được trừ số ngày tạm giữ. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng từ 10% đến 15%. Phạt tiền bổ sung từ 35 triệu đến 45 triệu đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1, Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C từ 09 tháng - 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội ‘cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự’. Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng từ 5% - 10%. Phạt tiền bổ sung từ 30 triệu đến 35 triệu đồng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX xử lý như sau:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Chu Văn L dùng để cho vay lãi nặng là 142.000.000 đồng. Hiện anh Chu Văn H đã trả cho bị cáo số tiền gốc 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), anh Trần Đức T đã trả cho bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), chị Chu Thị T đã trả cho bị cáo số tiền gốc là 9.990.000 đồng (Chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng). Hiện nay anh Hoàng Văn H chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), anh Chu Văn H chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), anh Trương Văn C chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), Anh Chu Tự T chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 10.000.000

đồng (Mười triệu đồng), Anh Trần Đức T chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Anh Hoàng Văn V chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), Anh Chu Tự G chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), Chị Chu Thị T chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 5.010.000 đồng (Năm triệu không trăm mười ngàn đồng). Do đó cần truy thu cụ thể đối với bị cáo Chu Văn Linh số tiền gốc là 28.990.000 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng). Truy thu từ anh Hoàng Văn H số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Truy thu từ anh Chu Văn H số tiền gốc là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Truy thu từ anh Trương Văn C số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Truy thu từ anh Chu Tự T số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Truy thu từ anh Trần Đức T số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Truy thu từ anh Hoàng Văn V gốc là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Truy thu từ anh Chu Tự G số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Truy thu từ chị Chu Thị T số tiền gốc là 5.010.000 đồng (Năm triệu không trăm mười ngàn đồng).

Tịch thu số tiền lãi suất với mức lãi suất hợp pháp có được từ khoản tiền bị cáo Chu Văn L cho anh Hoàng Văn H vay là 3.333.320 đồng, cho anh Chu Văn H vay là 2.399.990 đồng, cho anh Trương Văn C vay là 2.666.656 đồng, cho anh Chu Tự T vay là 1.333.328 đồng, cho anh Trần Đức T vay là 2.666.656 đồng, cho anh Hoàng Văn V vay là 1.983.325 đồng, cho anh Chu Tự G vay là 1.333.328 đồng, cho chị Chu Thị T vay là 249.999 đồng. Tổng cộng là 15.966.602 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Hoàng Văn H số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 14.666.680 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Chu Văn H số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 12.000.010 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Trương Văn C số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 13.333.344 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Chu Tự T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 6.666.672 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Trần Đức T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 13.333.344 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Hoàng Văn V số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 9.916.675 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Chu Tự G số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 5.866.672 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho chị Chu Thị T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 1.250.001 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Minh C để đảm bảo thị hành án.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, IMEI1: 869347034568399, số IMEI2: 869347034568381; sử dụng số điện thoại SIM1: 0973246798, SIM2: 0569260460, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn



Minh Cương và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, số máy MQA52ZP/A, số seri FK1Z65PQN73T, IMEI1: 35916107072655, số IMEI2: 355156165181531; sử dụng số điện thoại SIM: 0965849789, máy đã qua sử dụng thu giữ của Chu Văn L là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Chu Văn L và Nguyễn Minh C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2020, Chu Văn L sử dụng tổng số tiền gốc là 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng) cho 8 người trên địa bàn các xã D Trường và xã Diên Yên, huyện D Châu, tỉnh Nghệ An vay với các mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 9%/tháng và 3.333 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 10%/tháng tức là từ 118%/năm đến 120%/năm (gấp 5,4 lần và 6 lần so với mức lãi suất cao nhất); thu lợi bất chính số tiền 77.033.397 đồng (Bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó, số tiền mà Nguyễn Minh Cương trực tiếp thu lợi bất chính giúp Chu Văn L là 39.616.700 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng). Như vậy, Nguyễn Minh C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với vai trò là người giúp sức.

Theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ”

Vì vậy hành vi của bị cáo Chu Văn L, Nguyễn Minh C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS như cáo trạng VKS truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tình chất hành vi của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực

kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng trong thời gian gần đây, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế của nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Đối với bị cáo Chu Văn L từng bị tòa án đưa ra xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm hình sự và lên một mức án nghiêm minh đối với các bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Chu Văn L phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội với vai trò giúp sức cho Chu Văn L để lấy tiền công, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo phạm tội thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng nên cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS HĐXX xử lý vật chứng như sau:

Số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh C là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, IMEI1: 869347034568399, số IMEI2: 869347034568381; sử dụng số điện thoại SIM1: 0973246798, SIM2: 0569260460, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Minh Cương và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng, số máy MQA52ZP/A, số seri FK1Z65PQN73T, IMEI1: 35916107072655, số IMEI2: 355156165181531; sử dụng số điện thoại SIM: 0965849789, máy đã qua sử dụng thu giữ của Chu Văn L là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để giao dịch phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Đối với Hoàng Văn H, Chu Văn H, Trương Văn C, Chu Tự T, Trần Đức T, Hoàng Văn V, Chu Tự G, Chu Thị T là những người đã vay tiền của Chu Văn L với lãi suất vay từ 9%/Tháng đến 10%/tháng nên cần giáo dục, nhắc nhở.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS.

- Xử phạt: bị cáo Chu Văn L 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung Ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35 BLHS.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh C 30.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung Ngân sách Nhà nước.

3. **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền của bị cáo Chu Văn L dùng để cho vay (Tiền gốc) đã thu từ Chu Thị T 4.990.000đ; thu từ Chu Văn H 9.000.000đ; đã thu từ Trần Đức T 10.000.000đ; khoản tiền lãi hợp pháp 20%/năm thu lợi bất chính là 15.966.603đ. Tổng cộng là 39.956.603đ (Ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng). Nhưng được trừ số tiền tạm giữ do Nguyễn Minh C thu từ người liên quan bị tạm giữ là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Còn lại số tiền phải nộp là 38.956.603đ (Ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Truy thu từ anh Hoàng Văn Hg số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); từ anh Chu Văn H số tiền gốc là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng); từ anh Trương Văn C số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); từ anh Chu Tự T số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); từ anh Trần Đức T số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); từ anh Hoàng Văn V gốc là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng); từ anh Chu Tự G số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); từ chị Chu Thị T số tiền gốc là 5.010.000 đồng (Năm triệu không trăm mười ngàn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Hoàng Văn H số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 14.666.680 đồng.

- Buộc bị cáo Chu Văn L phải trả lại cho anh Chu Văn H số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 12.000.010 đồng; Trả lại cho anh Trương Văn C số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 13.333.344 đồng; Trả lại cho anh Chu Tự T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 6.666.672 đồng; Trả lại cho anh Trần Đức T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 13.333.344 đồng; Trả lại cho anh Hoàng Văn V số

tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 9.916.675 đồng; Trả lại cho anh Chu Tự G số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 5.866.672 đồng; Trả lại cho chị Chu Thị T số tiền lãi vượt mức quy định mà bị cáo thu lợi bất chính là 1.250.001 đồng.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh C. Hiện đang tạm gửi tại kho bạc Nhà nước huyện DChâu (theo biên bản giao nhận tài sản số 54 ngày 19/8/2020); giữa Kho bạc Nhà nước huyện Diên Châu và Cơ CSĐT Công an huyện DChâu.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, IMEI1: 869347034568399, số IMEI2: 869347034568381; sử dụng số điện thoại SIM1: 0973246798, SIM2: 0569260460, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Minh Cường và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng, số máy MQA52ZP/A, số seri FK1Z65PQN73T, IMEI1: 35916107072655, số IMEI2: 355156165181531; sử dụng số điện thoại SIM: 0965849789, máy đã qua sử dụng thu giữ của Chu Văn L. Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho số NK 0021 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DChâu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**5. Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14. Buộc Chu Văn L, Nguyễn Minh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N An;
- VKSND tỉnh N An;
- VKSND huyện DChâu;
- CA huyện Diên Châu, THA hình sự;
- CCTHA Dân sự huyện D Châu;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

(Đã ký)

**Nguyễn Quang Trung**